

Bản án số: 14/2021/DS - ST
Ngày: 28/09/2021
Về việc “tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung và ông Trần Văn Nghi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2021/TLST – DS ngày 10 tháng 05 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST – DS ngày 23 tháng 08 năm 2021 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST –DS ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

Địa chỉ: Số 77, phố T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Tổng giám đốc.

Đơn vị được ủy quyền: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình P – Chức vụ: CVQHKHCN

Địa chỉ: Số 55, Đường T, phường Đ, Thành phố N, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Văn K sinh năm 1971 và bà Trần Thị L1 – sinh năm 1983. Địa chỉ: Xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phan Thanh H – sinh năm 1997; Địa chỉ: Xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Ông K, bà L1, chị H vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông K và bà L1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) chi nhánh tỉnh Ninh Bình theo giấy đề nghị vay tiêu dung có tài sản đảm bảo do ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 lập ngày 16 tháng 1 năm 2017. Hai bên ký kết hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 44/2017/HĐTDTDH –CN/SHB.112900 ngày 23 tháng 1 năm 2017 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01- 44/2017/HĐTDTDH – CN/SHB.112900 ngày 27 tháng 2 năm 2017.

Số tiền cấp tín dụng là 1.470.000.000đ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng chẵn), với mục đích vay đầu tư tài sản hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 118 tháng, trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 có thể chấp 01 bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BE514870, số vào sổ cấp GCN: H2163 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 01 tháng 09 năm 2011 cho hộ gia đình ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 tại xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Thực hiện giấy đề nghị vay tiêu dùng có tài sản đảm bảo của ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1. Ngày 27 tháng 2 năm 2017 SHB chi nhánh Ninh Bình đã cấp tín dụng 549.200.000đ cho ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 theo đúng yêu cầu cụ thể như sau: Khế ước nhận nợ số 02-44/2017/HĐTDTDH –CN/SHB.112900 ngày 27 tháng 2 năm 2017 giữa ông K, bà L1 và SHB chi nhánh Tỉnh Ninh Bình với số tiền cấp tín dụng là 549.200.000đ thời hạn vay là 27 tháng 2 năm 2017 đến 23 tháng 11 năm 2026. Trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng. Thỏa thuận lãi suất vay theo Hợp đồng là 0,9%/tháng trong 3 tháng đầu. Sau đó lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cao nhất KHCHN của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,33%/ tháng. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông K, bà L1 có thể chấp bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BE514870, số vào sổ cấp GCN: H2163 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 01 tháng 09 năm 2011 cho hộ gia đình ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1. Chi tiết tài sản như sau: Diện tích 213,1m² thuộc thửa đất số 143, Tờ bản đồ số 15 tại xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trong đó có 178m² đất ở và 35,1m² đất nuôi trồng thủy sản. Thời hạn sử dụng đất lâu dài. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của Pháp luật và của Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp các Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ đã ký kết, ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi cho SHB chi nhánh tỉnh Ninh Bình, khoản vay trên bị chuyển thành nợ quá hạn. Ngày thực hiện nghĩa vụ trả nợ cuối cùng của ông K, bà L1 là ngày 28 tháng 1 năm 2020. Tính đến ngày 06 tháng 05 năm 2021 ông K, bà L1 còn nợ SHB chi nhánh tỉnh Ninh Bình số tiền là 454.536.624 đồng cụ thể các khoản nợ như sau:

Nợ gốc trong hạn: 314.450.000đ.

Nợ gốc quá hạn: 70.676.671đ.

Nợ lãi trong hạn: 1.498.409đ.

Lãi quá hạn: 63.107959đ.

Phí phạt lãi chậm trả: 4.803.585đ.

Tổng tiền gốc, lãi, phí phạt ông K, bà L1 còn nợ SHB chi nhánh tỉnh Ninh Bình là 454.536.624 đồng.

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, SHB chi nhánh tỉnh Ninh Bình đã nhiều lần đơn đốc, gọi điện thoại gửi thông báo đến nơi ở của ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SHB nhưng ông K, bà L1 không trả hết nợ quá hạn cho ngân hàng. Việc làm của ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 đã gây ảnh

hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng. Nay SHB chi nhánh tỉnh Ninh Bình đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 phải trả nợ cho SHB số tiền tạm tính đến ngày 06 tháng 05 năm 2021 là 454.536.624 đồng.

Tại phiên tòa Ngân hàng SHB đề nghị Tòa án giải quyết số tiền gốc, số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2021 là:

Nợ gốc trong hạn: 290.975.000đ.

Nợ gốc quá hạn: 94.151.671đ.

Lãi vay trong hạn còn phải trả: 544.876đ.

Lãi vay quá hạn còn phải trả: 83.949.466đ.

Phí phạt chậm trả gốc là: 4.625.489đ

Phí phạt chậm trả lãi là: 4.145.049đ.

Tổng tiền gốc, lãi, phí phạt ông K, bà L1 còn nợ SHB chi nhánh tỉnh Ninh Bình là 478.391.551 đồng.

Trong trường hợp ông K, bà L1 không trả được nợ đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)- Chi nhánh tỉnh Ninh Bình thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)- Chi nhánh tỉnh Ninh Bình đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Hiện nay tài sản thế chấp nêu trên có liên quan đến người thứ ba là con gái của ông K, bà L1 là chị Phan Thanh H. Tòa án nhân dân huyện K đưa chị Phan Thị H vào tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. So với thời điểm ký hợp đồng thế chấp tài sản thì thừa đất của ông K, bà L1 vẫn giữ nguyên hiện trạng không có sự thay đổi, biến động gì hiện không có người trông coi, quản lý tài sản.

*. Tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong đơn khởi kiện, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản như hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Hiện nay ông Phan Văn K, bà Trần Thị L1, chị Phan Thị H không có mặt tại địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú, làm việc mới của mình. Ông Phan Văn K, bà Trần Thị L1, chị Phan Thị H cố tình giấu địa chỉ. Do đó Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn K, bà Trần Thị L1 và chị Phan Thanh H đến Tòa án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn không đến Tòa án.

Tại Biên bản xác minh ngày 02/6/2021 và ngày 29/7/2021 Công an xã Y cung cấp: Hiện nay, ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 cùng con gái là chị Phan Thị H có Đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Qua kiểm tra xác minh thì vợ chồng ông K, bà L1 và chị H không có bố mẹ anh chị em ruột ở địa phương. Hiện đã đi khỏi nơi cư trú khoảng hơn một năm nay không quay về địa phương. Công an xã Y không biết nơi cư trú mới, nơi làm việc

mới của ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1, chị Phan Thị H vì họ đi nơi khác đã không thông báo cho Công an biết.

Tại Biên bản xác minh ngày 01/8/2021, Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Căn cứ vào Sổ địa chính được lưu giữ tại UBND xã Y năm 2010 thì ông K, bà L1 được công nhận quyền sử dụng 212,1m² tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính lập năm 2011. Mục đích đất nuôi trồng thủy sản. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 514870 do UBND huyện K cấp ngày 01 tháng 09 năm 2011 tại xã Y. Đến tháng 11 năm 2012 ông K, bà L1 đã chuyển mục đích sử dụng 178m² đất nuôi trồng thủy sản sang đất ở nông thôn. Qua kiểm tra khảo sát trên thực địa thì thửa đất trên hiện nay nhà đất đang đóng cửa, không có người trông coi quản lý tài sản. Cũng không có biến động thay đổi gì về mặt diện tích và người sử dụng đất cũng như các tài sản trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự . Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng Điều 280, 293, 323, 357, 463, 466, 468 BLDS năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147, 228 BLTTDS năm 2015; danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên:

- Buộc bị đơn là ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 phải trả cho ngân hàng SHB chi nhánh Ninh Bình số tiền 478.391.551 đ tính đến ngày 28/9/2021 và tiếp tục trả các khoản lãi, lãi phạt theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông K, bà L1 thanh toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp ông Phan Văn K, bà Trần Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)- Chi nhánh tỉnh Ninh Bình thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)- Chi nhánh tỉnh Ninh Bình được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

(Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 64/2017/HĐTC-BTB/SHB.11290 ngày 27 tháng 02 năm 2017).

- Về án phí sơ thẩm: đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) khởi kiện ông Phan Văn K, bà Trần Thị L1 và chị Phan Thanh H về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú tại: Xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là ông Phan Văn K, bà Trần Thị L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thanh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung và những vấn đề cần giải quyết trong vụ án:

Qua các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và diễn biến tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 44/2017/HĐTDTDH –CN/SHB.112900 ngày 23 tháng 1 năm 2017 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01- 44/2017/HĐTDTDH –CN/SHB.112900 ngày 27 tháng 02 năm 2017 giữa SHB chi nhánh tỉnh Ninh Bình với ông Phan Văn K, bà Trần Thị L1 đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, về hình thức, nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Như vậy hợp đồng đã tuân thủ về mặt hình thức và nội dung, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện theo Hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng SHB đã thực hiện đúng nghĩa vụ là đã giải ngân cho ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 vay với số tiền là 549.200.000đ. theo giấy đề nghị vay tiêu dùng có tài sản bảo đảm ngày 16 tháng 01 năm 2017 và khế ước nhận nợ ngày 27 tháng 02 năm 2017 giữa SHB với Ông K, bà L1, mà ông K, bà L1 là người trực tiếp ký nhận. Ông K, bà L1 đã nhận đủ số tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng liên quan đến nghĩa vụ trả nợ thì ông K, bà L1 đã không thực hiện theo đúng cam kết vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy ông K, bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án theo các điều 7 và Điều 10 của Hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn phải trả tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2021 là 478.391.551 đồng. Trong đó tiền nợ gốc trong hạn và quá hạn là 385.126.671 đồng, tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn là 84.494.342 đồng, lãi phạt chậm trả là 8.770.538 đồng.

[2.2] Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của khoản vay ông K, bà L1, chị H đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 64/2017/HĐTC-BTB/SHB.11290 ngày 27 tháng 02 năm 2017 cụ thể là: Quyền sử dụng diện tích 213,1m² đất tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 15. Trong đó có 178m² đất ở nông

thôn và 35,1m² đất nuôi trồng thủy sản tại xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE514870, số vào sổ cấp GCN: H2163 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 01 tháng 09 năm 2011 cho hộ gia đình ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1.

Như vậy, tại thời điểm tham gia giao kết hợp đồng thế chấp, Ngân hàng có đầy đủ tư cách pháp nhân. Tài sản bảo đảm thể hiện rõ ý chí của ông K, bà L1 chỉ H là bên thế chấp tài sản, ký hợp đồng thế chấp; chủ sử dụng đất đã đồng ý dùng tài sản của mình để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Các bên tham gia giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự, Tòa án xác định hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, là căn cứ pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

Tại Biên bản xác minh ngày 01/8/2021, Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Căn cứ vào Sổ địa chính được lưu giữ tại UBND xã Y năm 2010 thì ông K, bà L1 được công nhận quyền sử dụng 213,1m² tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính lập năm 2011. Mục đích đất nuôi trồng thủy sản. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 514870 do UBND huyện K cấp ngày 01 tháng 09 năm 2011. Đến tháng 11 năm 2012 ông K, bà L1 đã chuyển mục đích sử dụng 178m² đất nuôi trồng thủy sản sang đất ở nông thôn. Qua kiểm tra khảo sát trên thực địa thì thửa đất trên hiện nay nhà đất đang đóng cửa, không có người trông coi quản lý tài sản. Cho đến thời điểm hiện tại quyền sử dụng đất của ông K, bà L1 không có biến động thay đổi gì về mặt diện tích và người sử dụng đất cũng như các tài sản trên đất.

Như vậy cho đến thời điểm hiện nay thì hiện trạng của tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất không thay đổi, biến động gì so với thời điểm thế chấp tài sản.

Trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của các bị đơn để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản sau: Quyền sử dụng diện tích 213,1m² đất tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 15. Trong đó có 178m² đất ở nông thôn và 35,1m² đất nuôi trồng thủy sản. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE514870 ngày 01 tháng 09 năm 2011 cho hộ gia đình ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 tại xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

(Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 64/2017/HĐTC-BTB/SHB.11290 ngày 27 tháng 02 năm 2017).

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên SHB không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông K, bà L1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số nợ Ngân hàng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 145 và Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;.

Các điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)- Chi nhánh tỉnh Ninh Bình.

Buộc ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)- Chi nhánh tỉnh Ninh Bình toàn bộ số nợ gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 44/2017/HĐTDTDH –CN/SHB.112900 ngày 23 tháng 1 năm 2017 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01- 44/2017/HĐTDTDH – CN/SHB.112900 ngày 27 tháng 2 năm 2017, tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2021 là **478.391.551 đồng** (*Bốn trăm bảy mươi tám triệu ba trăm chín mươi một nghìn năm trăm năm mươi một đồng*) **trong đó: Tiền nợ gốc trong hạn và quá hạn là 385.126.671 đồng** (*Ba trăm tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi đồng*), **tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn là 84.494.342 đồng** (*Tám mươi tư triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*), **phí phạt chậm trả là 8.770.538 đồng** (*Tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn năm trăm ba mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 29/09/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 44/2017/HĐTDTDH –CN/SHB.112900 ngày 23 tháng 01 năm 2017 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01- 44/2017/HĐTDTDH –CN/SHB.112900 ngày 27 tháng 02 năm 2017 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Phan Văn K, bà Trần Thị L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)- Chi nhánh tỉnh Ninh Bình thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)- Chi nhánh tỉnh Ninh Bình được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản sau:

Quyền sử dụng diện tích 213,1m² đất tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 15. Trong đó có 178m² đất ở nông thôn và 35,1m² đất nuôi trồng thủy sản. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE514870, sổ vào sổ cấp GCN: H2163 do UBND huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 01 tháng 09 năm 2011 cho hộ gia đình ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 tại xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

(Thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 64/2017/HĐTC-BTB/SHB.11290 ngày 27 tháng 02 năm 2017).

2. Về án phí dân sự:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)- Chi nhánh tỉnh Ninh Bình được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)- Chi nhánh tỉnh Ninh Bình số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.091.000 đồng (*Mười một triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0002583 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Phan Văn K và bà Trần Thị L1 phải **nộp 23.136.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng)** án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án,
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh